

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :297

sáng; Hủ tíu thốt tom mọc nam mốp cà rốt
gia
Sữa grow
Trưa : Cơm ech kho nam rôm cà rốt. canh
cải thảo thốt heo nạc
Mon xao: su su, cà rốt
Xe: sữa grow
Xe chiều: Cháo mon lôn rau húng

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37042				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (mười)	2,000	1,060	21,200
2	Tom bien	1,500	30,980	464,700
3	Mộc tội	1,000	33,500	335,000
4	Lôn	3,500	28,670	1,003,450
5	Nộc măm Cà (loại 1)	3,000	5,940	178,200
6	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
7	Nông cat	3,000	3,780	113,400
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Gạo tẻ máy	24,000	2,630	631,200
10	Hủ tíu	16,000	1,820	291,200
11	Hành lã	2,000	5,360	107,200
12	Hành củ tội	1,000	5,780	57,800
13	Cà rốt	6,000	5,460	327,600
14	Nam rôm	1,500	13,130	196,950
15	Su su	4,000	3,260	130,400
16	Rau húng	100	11,870	11,870
17	Mốp	2,000	3,990	79,800
18	Cải thảo*	6,500	5,460	354,900
19	Khoai môn	3,000	6,410	192,300
20	Gia nấu xanh	1,000	2,520	25,200
21	Thốt lôn nạc	12,800	18,380	2,352,640
22	Thốt ech	7,000	27,300	1,911,000
Cong				9,013,110
	*XUẤT KHO			
23	Sữa bột Abbot Grow	9,700	20,500	1,988,500
Cong				1,988,500
Tổng tiền thức phẩm				11,001,610 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộp chi trong ngày				10989000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				-12610(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				